

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hà Quang Hiện	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên
Ông Hồ Sĩ An	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hà Minh Ngọc	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
Bà Phạm Thị Thái Hà	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc
Ông Đàm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Bá Trung	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng, các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2025

RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Số: 9/2025/SX-RSMHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị
Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 07 năm 2025 từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2025

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		336.409.939.447	342.805.921.348
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.990.482.710	16.766.464.405
1. Tiền	111	4.1	14.990.482.710	16.766.464.405
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		216.703.260.067	194.841.267.560
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	216.703.260.067	194.841.267.560
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102.387.889.365	127.948.168.668
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	105.267.388.014	130.596.147.978
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		415.359.000	533.381.678
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	3.825.196.066	3.708.408.870
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(7.120.053.715)	(6.889.769.858)
IV. Hàng tồn kho	140		2.328.307.305	2.733.429.705
1. Hàng tồn kho	141	4.6	2.328.307.305	2.733.429.705
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	516.591.010
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	516.591.010
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.083.638.048	43.053.972.417
I. Tài sản cố định	220		24.083.638.048	30.053.972.417
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	24.083.638.048	30.053.972.417
Nguyên giá	222		232.087.346.565	236.716.424.631
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(208.003.708.517)	(206.662.452.214)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		13.000.000.000	13.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	13.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		373.493.577.495	385.859.893.765

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		53.408.624.588	65.544.114.855
I. Nợ ngắn hạn	310		53.408.624.588	65.544.114.855
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	23.634.808.141	45.776.487.851
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	4.742.957.791	1.409.361.105
3. Phải trả người lao động	314	4.10	8.279.024.537	14.809.801.897
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	3.075.299.557	341.536.133
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	4.922.186.461	994.211.634
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.13	6.157.969.873	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.14	2.596.378.228	2.212.716.235
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		320.084.952.907	320.315.778.910
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	320.084.952.907	320.315.778.910
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.040.000.000	131.040.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.040.000.000	131.040.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		53.070.783.332	53.070.783.332
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		127.245.045.585	127.245.045.585
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.729.123.990	8.959.949.993
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.729.123.990	8.959.949.993
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		373.493.577.495	385.859.893.765



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	4.16	130.802.598.293	138.712.095.638
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		130.802.598.293	138.712.095.638
3. Giá vốn hàng bán	11	4.17	112.354.974.788	123.207.049.397
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.447.623.505	15.505.046.241
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.18	4.914.517.730	4.951.882.245
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.19	14.816.019.817	15.920.391.013
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.546.121.418	4.536.537.473
8. Thu nhập khác	31	4.20	2.373.590.881	329.942.807
9. Chi phí khác	32		8.307.310	271.520.064
10. Lợi nhuận khác	40		2.365.283.571	58.422.743
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.911.404.989	4.594.960.216
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.22	2.182.280.999	918.992.043
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.729.123.990	3.675.968.173

**Đỗ Văn Huân**
Tổng Giám đốc**Phạm Thị Ngọc**
Kế toán trưởng**Võ Thị Ngọc Diễm**
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.911.404.989	4.594.960.216
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	4.21	6.020.914.369	6.025.409.532
Các khoản dự phòng	03		6.388.253.730	8.601.694.202
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.127.973.433)	(4.951.882.245)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		16.192.599.655	14.270.181.705
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		25.997.411.635	24.020.780.518
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		405.122.400	(1.076.681.085)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(23.578.622.177)	(12.079.495.907)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.9	(1.211.980.955)	(993.185.507)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		30.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.675.088.000)	(4.749.597.322)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.159.442.558	19.392.002.402
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(50.580.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.213.455.703	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(222.240.738.072)	(142.882.001.317)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		200.378.745.565	122.892.301.093
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.763.692.551	5.248.731.128
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.935.424.253)	(14.740.969.096)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(1.775.981.695)	4.651.033.306
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16.766.464.405	7.124.368.609
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	14.990.482.710	11.775.401.915

**Đỗ Văn Huân**
Tổng Giám đốc
Phạm Thị Ngọc
Kế toán trưởng
Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vận tải của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên (tên cũ: Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1) thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam;
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301975289 ngày 24 tháng 04 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 23 tháng 04 năm 2025.

Ngày 07 tháng 12 năm 2005, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với mã chứng khoán HTV.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần đây nhất là 131.040.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	65.623.610.000	50,08	65.623.610.000	50,08
Các cổ đông khác	65.416.390.000	49,92	65.416.390.000	49,92
Cộng	131.040.000.000	100,00	131.040.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (trước đây là Số 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 182 (31/12/2024: 190).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác và không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh vận chuyển hàng không và không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có công ty con như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	Tầng 35, tòa nhà The Nexus, 3A-3B Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	65,00%	65,00%

Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức đang tiến hành giải thể theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐTV/TTTĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng thành viên.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Kế toán trên máy vi tính.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2024.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	227.947.565	128.447.486
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.762.535.145	16.638.016.919
Cộng	14.990.482.710	16.766.464.405

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 06 đến 12 tháng tại ngày 30/06/2025.

Đầu tư góp vốn vào công ty con là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức, được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Giá gốc	13.000.000.000	13.000.000.000
Giá trị hợp lý	(*)	(*)
Dự phòng	-	-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
- Xem thêm Mục 4.23	55.612.863.108	80.014.843.339
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Long Phước	10.550.546.779	13.864.262.836
Các khách hàng khác (*)	39.103.978.127	36.717.041.803
Cộng	105.267.388.014	130.596.147.978

(*) Tại ngày 30/06/2025, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	2.423.446.140	-	2.272.620.961	-
Phải thu từ bồi thường	525.000.000	-	525.000.000	-
Phải thu người lao động	829.794.686	-	532.705.000	-
Phải thu khác	46.955.240	-	378.082.909	-
Cộng	<u>3.825.196.066</u>	<u>-</u>	<u>3.708.408.870</u>	<u>-</u>

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	9.322.986.596	2.202.932.881	10.052.986.596	3.163.216.738

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

		Tại ngày 30/06/2025			Tại ngày 01/01/2025		
		VND			VND		
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
4.6. Hàng tồn kho	Công ty TNHH MTV Cát Vạn Hưng	979.302.000	-	Trên 03 năm Từ 02 đến	979.302.000	-	Trên 03 năm Từ 02 đến
	Công ty Cổ phần Bảo Việt Phát	1.566.597.568	95.552.478	dưới 03 năm	1.816.597.568	534.406.612	dưới 03 năm
	Các khách hàng khác	6.777.087.028	2.107.380.403	Từ 01 đến dưới 03 năm	7.257.087.028	2.628.810.126	Từ 01 đến dưới 03 năm
	Cộng	9.322.986.596	2.202.932.881		10.052.986.596	3.163.216.738	
		Tại ngày 30/06/2025			Tại ngày 01/01/2025		
		VND			VND		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Nguyên liệu, vật liệu Công cụ, dụng cụ		2.052.239.509	-	2.610.010.204	-		
		276.067.796	-	123.419.501	-		
Cộng		2.328.307.305	-	2.733.429.705	-		

(Xem trang tiếp theo)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2025	2.203.932.585	228.904.725.144	5.607.766.902	236.716.424.631
Mua trong kỳ	-	-	50.580.000	50.580.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.679.658.066)	-	(4.679.658.066)
Tại ngày 30/06/2025	2.203.932.585	224.225.067.078	5.658.346.902	232.087.346.565
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2025	2.203.932.585	199.680.737.103	4.777.782.526	206.662.452.214
Khấu hao trong kỳ	-	5.717.861.862	303.052.507	6.020.914.369
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.679.658.066)	-	(4.679.658.066)
Tại ngày 30/06/2025	2.203.932.585	200.718.940.899	5.080.835.033	208.003.708.517
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2025	-	29.223.988.041	829.984.376	30.053.972.417
Tại ngày 30/06/2025	-	23.506.126.179	577.511.869	24.083.638.048

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 115.255.533.105 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho bên liên quan - Xem thêm Mục 4.23				
Doanh nghiệp tư nhân Trung Tài	1.820.536.989	1.820.536.989	285.012.971	285.012.971
Công ty Cổ phần HCM Logistics	6.854.717.700	6.854.717.700	11.641.253.117	11.641.253.117
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	6.526.965.437	6.526.965.437	10.633.035.473	10.633.035.473
	8.432.588.015	8.432.588.015	23.217.186.290	23.217.186.290
Cộng	23.634.808.141	23.634.808.141	45.776.487.851	45.776.487.851

(*) Tại ngày 30/06/2025, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2025		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2025	
	Phải nộp	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	2.533.508.612	11.379.729.609	(966.604.720)	(7.879.616.277)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.132.280.999	2.182.280.999	(1.211.980.955)	-	1.161.980.955	
Thuế thu nhập cá nhân	77.168.180	1.547.373.159	(1.717.585.129)	-	247.380.150	
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	779.035.608	(779.035.608)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-	-
Cộng	4.742.957.791	15.891.419.375	(4.678.206.412)	(7.879.616.277)	1.409.361.105	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả người lao động**

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên tại ngày 30/06/2025.

4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí thuê ngoài vận chuyển	2.087.986.601	70.063.830
Các khoản chi phí phải trả khác	987.312.956	271.472.303
Cộng	3.075.299.557	341.536.133

4.12. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả cho bên liên quan - Xem thêm mục 4.23	1.968.708.300	-
Phải trả cho các đối tượng khác:		
Cổ tức phải trả	1.973.152.100	11.440.400
Nhận ký quỹ, ký cược	106.000.000	106.000.000
Các khoản phải trả khác	874.326.061	876.771.234
Cộng	4.922.186.461	994.211.634

4.13. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản trích chi phí dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định tại ngày 30/06/2025.

4.14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu năm	2.212.716.235	3.956.152.773
Trích lập trong kỳ	5.028.749.993	5.773.395.490
Tăng khác	30.000.000	-
Sử dụng trong kỳ	(4.675.088.000)	(4.749.597.322)
Số dư cuối kỳ	2.596.378.228	4.979.950.941

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHON LỌC (TIẾP THEO)

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2024	131.040.000.000	53.070.783.332	127.245.045.585	9.704.595.490	321.060.424.407
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	3.675.968.173	3.675.968.173
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.773.395.490)	(5.773.395.490)
Chia cổ tức	-	-	-	(3.931.200.000)	(3.931.200.000)
Tại ngày 30/06/2024	131.040.000.000	53.070.783.332	127.245.045.585	3.675.968.173	315.031.797.090
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	5.283.981.820	5.283.981.820
Tại ngày 01/01/2025	131.040.000.000	53.070.783.332	127.245.045.585	8.959.949.993	320.315.778.910
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	8.729.123.990	8.729.123.990
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.028.749.993)	(5.028.749.993)
Chia cổ tức	-	-	-	(3.931.200.000)	(3.931.200.000)
Tại ngày 30/06/2025	131.040.000.000	53.070.783.332	127.245.045.585	8.729.123.990	320.084.952.907

Việc phân phối lợi nhuận kỳ này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 50/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2025.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15.2. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.15.3. Cổ tức

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 50/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2025, tỷ lệ chia cổ tức năm 2024 là 3% trên vốn điều lệ.

4.16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu dịch vụ vận tải đường thủy	100.817.947.403	118.460.007.391
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	22.501.886.503	17.231.854.609
Doanh thu cho thuê công trình hạ tầng	7.132.695.000	-
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	278.895.382	2.185.226.650
Doanh thu bốc dỡ hàng hóa	71.174.005	835.006.988
Cộng	130.802.598.293	138.712.095.638
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 4.23	46.284.569.583	66.154.724.037

4.17. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	86.205.017.259	107.182.443.340
Giá vốn của hàng hóa đã bán	21.297.454.652	16.024.606.057
Giá vốn của thuê công trình hạ tầng	4.852.502.877	-
Cộng	112.354.974.788	123.207.049.397

4.18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	4.914.517.730	4.951.882.245

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.19. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.530.626.873	7.199.026.683
Chi phí vật liệu quản lý	229.126.445	372.405.667
Chi phí đồ dùng văn phòng	519.933.500	299.622.916
Chi phí khấu hao tài sản cố định	303.052.507	307.547.670
Thuế phí, lệ phí	1.570.573.982	1.642.052.882
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	230.283.857	1.243.418.823
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.544.149.555	1.815.137.341
Chi phí khác bằng tiền	2.888.273.098	3.041.179.031
Cộng	14.816.019.817	15.920.391.013

4.20. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.213.455.703	-
Thu nhập khác	160.135.178	329.942.807
Cộng	2.373.590.881	329.942.807

4.21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.180.166.487	14.621.315.096
Chi phí nhân công	27.474.339.979	29.955.363.804
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.020.914.369	6.025.409.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.346.887.815	84.205.147.124
Chi phí khác bằng tiền	3.148.685.955	4.320.204.854
Cộng	127.170.994.605	139.127.440.410

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	10.911.404.989	4.594.960.216
Cộng/(Trừ): Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm)	-	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	10.911.404.989	4.594.960.216
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	2.182.280.999	918.992.043

4.23. Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|---|----------------------------|
| 1. Tổng Công ty Xi măng Việt Nam | Công ty mẹ |
| 2. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức | Công ty con |
| 3. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên | Công ty có cùng công ty mẹ |
| 4. Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long | Công ty có cùng công ty mẹ |
| 5. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	51.124.023.386	75.426.003.617
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	4.488.839.722	4.588.839.722
Cộng - Xem thêm Mục 4.3	55.612.863.108	80.014.843.339
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	(1.423.400.844)	-
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	(397.136.145)	(285.012.971)
Cộng - Xem thêm Mục 4.8	(1.820.536.989)	(285.012.971)
Cổ tức phải trả - Xem thêm Mục 4.12:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	(1.968.708.300)	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ - Xem thêm Mục 4.16:		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	46.284.569.583	66.154.724.037
Sử dụng dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	4.852.502.877	-
Mua dịch vụ:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	677.168.512	709.159.597
Cổ tức đã chia:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	1.968.708.300	1.968.708.300
Ông Đỗ Văn Huân	780.000	780.000
Cộng	1.969.488.300	1.969.488.300

Thù lao của Hội đồng quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Hà Quang Hiện	Chủ tịch	36.000.000	36.000.000
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Hồ Sĩ An	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Cộng		132.000.000	132.000.000

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc	343.297.619	352.680.000
Ông Đàm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	186.795.000	186.885.000
Ông Phạm Bá Trung	Phó Tổng Giám đốc	186.660.000	186.885.000
Cộng		716.752.619	725.472.272

Thù lao của Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Hà Minh Ngọc	Trưởng ban	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Bà Phạm Thị Thái Hà	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Cộng		60.000.000	60.000.000

4.24. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng.



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2025